

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2024.

“V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Dũng, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phạm Tấn P, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2023).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh S.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phan Văn X, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Phạm Tấn P trình bày:*

Vào ngày 07 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị L có hỏi vay của bà Trần Thị Đ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), với lãi suất là 1.66%/tháng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Do quen biết nhau nên bà Đ đồng ý cho hai vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn X vay chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tuy nhiên, đến hạn thì bà L lại không trả lãi mà chỉ trả số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), phần còn lại bà L cứ hứa hẹn không thấy thanh toán. Ngày 15/5/2023, tại Công an xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp bà L thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền 40.000.000đ (tiền gốc) và 3.500.000đ (tiền lãi) và hứa đến ngày 30/6/2023 sẽ thanh toán đủ. Tuy nhiên đến nay bà L vẫn không thanh toán.

Nay bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc còn nợ là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi như sau:

Từ ngày 07/11/2022 đến ngày 15/5/2023 là 06 tháng 08 ngày:

$50.000.000\text{đồng} \times 1.66\%/tháng \times 06\text{ tháng} = 5.201.333\text{đ}$  (Năm triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Từ ngày 16/5/2023 đến nay với số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 1,66%/tháng.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L thừa nhận có nợ số tiền như bà Đ đã trình bày. Nay bà L xin trả dần mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi dứt nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Văn X trình bày:* Ông Phan Văn X thống nhất với lời trình bày của vợ là bà Nguyễn Thị L.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

- Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn X vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Bà Trần Thị Đ đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người cho vay được quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự. Còn vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn X sau khi vay tiền đã không thực hiện đúng như đã thỏa thuận. Như vậy vợ chồng bà L, ông X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “Biên bản thỏa thuận trả tiền” do Công an xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp lập ngày 15/5/2023. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải phía bà L, ông X thừa nhận có nợ bà Đ do đó nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ với bà L, ông X đã thống nhất số tiền nợ. Chỉ không thống nhất về phương thức thanh toán.

[4] Về lãi suất: Theo lãi suất trong hợp đồng hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng đối với số tiền vay. Xét thấy số tiền lãi hai bên thỏa thuận phù hợp với pháp luật quy định nên yêu cầu tính lãi của bà Đ được chấp nhận.

- Số tiền lãi tính từ ngày 07/11/2022 đến ngày 15/5/2023 là 06 tháng 08 ngày:  $50.000.000đ \times 1.66\%/tháng \times 06 \text{ tháng} + 08 \text{ ngày} = 5.201.333đ$  (Năm triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

- Số tiền lãi tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/4/2024 (ngày xét xử sơ thẩm): là 11 tháng:

$40.000.000đ \times 1.66\%/tháng \times 11 \text{ tháng} = 7.304.000đ$  (Bảy triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

- Số tiền lãi phải trả: 12.505.333đ (Mười hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Như vậy tổng số tiền vợ chồng bà L, ông X phải thanh toán là: 40.000.000đ (tiền gốc) + 12.505.333đ (tiền lãi) = 52.505.333đ (Năm mươi hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.
2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị Đ số tiền còn nợ là 52.505.333đ (Năm mươi hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị Đ cho đến khi thi hành án xong đối với khoản tiền phải trả mà vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn X chậm trả tiền thì bà L, ông X phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn X phải liên đới nộp 2.625.266đ (Hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí.

- Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí. Bà Đ là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được

bản án hoặc được niêm yết đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng**